



Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
đã được soát xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
PACIFIC BRIDGE**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
tại ngày 30 tháng 06 năm 2020
đã được soát xét

Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38.205.944 - Fax: (028) 38.205.942

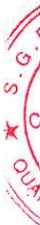
Website: www.aascs.com.vn

E-mail: infor@aascs.com.vn



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	05 - 06
- Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	07 - 16



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Pacific Bridge (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Công ty

CTCP Quản lý Quỹ Pacific Bridge tiền thân là CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Sao Vàng được thành lập theo Giấy phép số 47/UBCK-GP ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu và các giấy phép điều chỉnh sau:

- Theo quyết định số 49/UBCK-GP ngày 20/7/2009 của UBCK Nhà nước: thay đổi người đại diện theo pháp luật và địa chỉ trụ sở.
- Giấy phép điều chỉnh số 24/UBCK-GPĐC ngày 13/8/2013 của UBCK Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi tên công ty, thay đổi trụ sở và người đại diện pháp luật
- Giấy phép điều chỉnh số 03/UBCK-GPĐC ngày 21/01/2014 của UBCK Nhà nước về bổ sung nghiệp vụ đầu tư chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 26/5/2016 của UBCK Nhà nước về thay đổi trụ sở công ty.

Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng.)

Trụ sở chính : Tầng 6, 99 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

- Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 10/08/2017 của UBCK Nhà nước về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty: 60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng.)

- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 01/02/2018 của UBCK Nhà nước về thay người đại diện pháp luật của công ty.

Người đại diện pháp luật: Trịnh Sơn Hà

- Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 20/08/2018 của UBCK Nhà nước về tên công ty.

Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Pacific Bridge

Tên viết tắt: Pacific Bridge Capital

Hội đồng Quản trị, Ban Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Trịnh Sơn Hà	Chủ tịch HĐQT
- Bà Vũ Thị Huyền Nga	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Họ tên	Chức danh
- Ông Đinh Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc
- Bà Tô Thị Thu	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Việt Tuấn	Chuyên viên

Người Đại diện theo pháp luật

- Ông Trịnh Sơn Hà Chủ tịch HĐQT

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ngày 27/7/2020, Công ty nhận được Quyết định số 510/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận cho Công ty tạm ngừng hoạt động từ ngày 27/07/2020 đến ngày 27/7/2021 theo đề nghị của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific phê duyệt Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

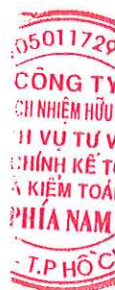
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRỊNH SƠN HÀ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số : 241 /BCKT/TC/2020/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020
của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Pacific Bridge**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge được lập 01/09/2020, từ trang 05 đến trang 16 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Phương Đông đính kèm không phù hợp với các quy định của Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 về chỉ tiêu an toàn tài chính và các biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính do Bộ tài chính ban hành.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty đã nhận được công văn chấp thuận của UBCK Nhà Nước theo Quyết định số 510/QĐ-UBCK ngày 27/7/2020 về việc tạm ngừng hoạt động từ ngày 27/7/2020 đến ngày 27/7/2021 để thực hiện việc tái cấu trúc hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)**Phó Tổng Giám đốc****LÊ ĐÌNH ÁI**

Giấy CN ĐKHN KTV số: 3770-2018-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Kính gửi: UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

Kế toán trưởng

Tô Thị Thu

Trưởng bộ phận

Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Thị Hiền

TM.Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trịnh Sơn Hà

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính : VND

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	I	-	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	II	-	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	III	5.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		5.000.000.000	
5.	Vốn khả dụng	IV	27.131.500.006	
6.	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)		542,63%	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính : VND

I. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1)*(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
1 Tiền mặt (VND)	0%	27.471.720.826	-
2 Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	-	-
3 Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			
4 Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5 Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1 Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, ADB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2 Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			
6 Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7 Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1)*(2)
IV. Cổ phiếu			
8. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	-	-
9. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
10. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12. Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			
13. Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14. Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			
15. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16. Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII. Chứng khoán khác			
17. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
18. Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			
19. Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	20%	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)			-

Đơn vị tính : VND

II. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	0,0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
1.	Tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm lãi dự thu), các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán						-
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
3.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán							
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro			
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%					
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%					
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%					
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%					
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)							
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro			
	1. Tiền gửi kỳ hạn	10%	-	-			
	2. Tiền gửi kỳ hạn	20%	-	-			
	3. Tiền gửi kỳ hạn	30%	-	-			
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)							-



Đơn vị tính : VND

III. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (tính trong vòng 12 tháng)

I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	1.223.330.952
II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	18.454.578
1 Chi phí khấu hao	18.454.578
2 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-
3 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
4 Dự phòng phải thu khó đòi	-
III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (I - II)	1.204.876.374
IV. 25% tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV =25%*III)	301.219.094
V. 20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})	5.000.000.000

Đơn vị tính : VND

VII. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Khoản mục	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
A NGUỒN VỐN				
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	60.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(32.863.273.849)		
9	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			-
14	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			27.136.726.151
B TÀI SẢN NGẮN HẠN				
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu hoạt động ủy thác			-
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Trả trước cho người bán			-
3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			



Stt	Khoản mục	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
6	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác		-	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng		-	
C TÀI SẢN DÀI HẠN				
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu của hoạt động ủy thác			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	



Stt	Khoản mục	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		-	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Góp vốn liên doanh		-	
3	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
4	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6		-	
5	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài		-	
6	Đầu tư dài hạn khác		-	
7	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		5.226.145	
1	Chi phí trả trước dài hạn		5.226.145	
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
3	Ký quỹ, ký cược dài hạn		-	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			5.226.145
	VỐN KHẢ DỤNG (1A-1B-1C)			27.131.500.006

VI. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Quản lý Quỹ, dịch vụ tài chính
- Ngành nghề kinh doanh : Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán
Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán.
- Tổng số nhân viên : 10 người
Trong đó: Nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ: 07 người
Danh sách nhân viên có Chứng chỉ quản lý quỹ như sau:

Stt	Họ tên	Số chứng chỉ	Ngày cấp
1	Vũ Thị Huyền Nga	001331/QLQ	12/10/2015
2	Đinh Ngọc Dũng	000734/QLQ	16/05/2011
3	Trịnh Bá Toàn	001621/QLQ	27/11/2017
4	Đặng Vũ Trí Dũng	001070/QLQ	25/01/2014
5	Từ Cao Ánh	000817/QLQ	26/03/2012
6	Nguyễn Thị Hiền	000967/QLQ	20/06/2013
7	Nguyễn Thanh Toàn	000582/QLQ	01/02/2010

VII. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Các văn bản pháp quy áp dụng:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

2. Cơ sở số liệu tài chính:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2020.

3. Đồng tiền trên báo cáo:

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

VIII. CÁC NGUYÊN TẮC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

1. Tỷ lệ vốn khả dụng:

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị vốn khả dụng và tổng giá trị rủi ro.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = (\text{Vốn khả dụng} \times 100\%) / \text{Tổng giá trị rủi ro}$$

2. Vốn khả dụng:

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

Vốn khả dụng được xác định theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính.

3. Tổng giá trị rủi ro:

Tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.1. Giá trị rủi ro thị trường:

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi.

Giá trị rủi ro thị trường phải được xác định theo quy định tại Mục 2 – Chương 2 - Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

Công thức xác định giá trị rủi ro thị trường:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

- Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

- Giá tài sản được xác định theo Phụ lục II kèm theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

3.2. Giá trị rủi ro thanh toán:

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

Kết thúc ngày giao dịch, Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điều 10 – mục 2 – Chương 2 Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

Công thức xác định giá trị rủi ro thanh toán:

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

- Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định theo Phụ lục III kèm theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định theo Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

- Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \frac{\text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian}}{\text{theo thời gian}} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

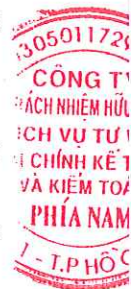
- Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được xác định theo Phụ lục III kèm theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

+ Đối với các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân tổ chức kinh doanh chứng khoán: là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục II, Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.

+ Đối với các giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán: giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán xác định theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính.;

+ Đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn: là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).



3.3. Giá trị rủi ro hoạt động:

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quy trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn
- Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn
- Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

Kế toán trưởng

Trưởng Ban Kiểm soát

Tô Thị Thu

Nguyễn Thị Hiền

TM. Hội đồng quản trị



Trịnh Sơn Hà

